

HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH NỘI HÀM, GỢI Ý MINH CHỨNG THEO BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI, CÔNG NHẬN MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CƠ SỞ GDMN, GDPT VÀ GDTX

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Mức độ chuyển đổi số

a) Mức độ chuyển đổi số theo nhóm tiêu chí

Mức độ chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục được đánh giá theo (02) nhóm tiêu chí thành phần: Nhóm tiêu chí “*Chuyển đổi số trong dạy, học*” và Nhóm tiêu chí “*Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục*”, thang điểm tối đa là 100. Mỗi nhóm tiêu chí được đánh giá ở 03 mức độ:

- Mức chưa đáp ứng (Mức độ 1): Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí dưới 50.
- Mức đáp ứng cơ bản (Mức độ 2): Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí đạt từ 50 đến 75.
- Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3): Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí đạt trên 75.

b) Mức độ chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục được đánh giá ở ba mức độ:

- Mức chưa đáp ứng (Mức độ 1): Một trong 02 nhóm tiêu chí đạt ở Mức 1.
- Mức đáp ứng cơ bản (Mức độ 2): Cả 02 tiêu chí tối thiểu đạt Mức 2.
- Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3): Cả 02 nhóm tiêu chí đều ở Mức 3.

2. Cách chấm điểm các tiêu chí

- Điểm của các tiêu chí làm tròn đến 0.5 điểm.
- Đối với các tiêu chí có điểm trong khoảng giới hạn thì giới hạn nhỏ nhất cho điểm tối đa của mức trước đó; giới hạn lớn nhất thì cho điểm tối đa của mức đang tính; các giới hạn trong khoảng thì chia tỷ lệ tương đối cho phù hợp trong giới hạn.

Ví dụ: Mục 1.7 (QĐ 4725/QĐ-BGDĐT) với trường hợp: tiêu chí <20% tối đa 2.0 điểm; 20%-60% tối đa 5.0 điểm thì cách cho điểm như sau:

Giá trị	Điểm đánh giá	Ghi chú
20%	2.0	
27%	2.5	21%-27%
34%	3.0	28%-34%
40%	3.5	34%-40%
47%	4.0	40%-47%
54%	4.5	48%-54%
60%	5.0	55%-60%

3. Minh chứng

- Trong đánh giá mức độ chuyển đổi số, minh chứng là những văn bản, hồ sơ, sổ sách, phần mềm, hệ thống phần mềm, hình ảnh, âm thanh, dữ liệu (dạng bản cứng, bản mềm), băng, đĩa hình, hiện vật phù hợp với nội hàm (yêu cầu) trong từng tiêu chí. Minh chứng được sử dụng để chứng minh cho các phân tích, giải thích, từ đó đưa ra các nhận định, kết luận trong báo cáo tự đánh giá.

- Minh chứng được sử dụng cho từng tiêu chí trong báo cáo tự đánh giá theo năm học thì thời điểm thu thập minh chứng tính từ bắt đầu năm học mới.

4. Gợi ý, minh chứng: Trong văn bản này, mục “Gợi ý, minh chứng” có tính chất tham khảo. Cơ sở giáo dục lựa chọn một hoặc một vài trong các minh chứng được gợi ý, không nhất thiết phải sử dụng tất cả hoặc có thể sử dụng minh chứng phù hợp khác.

5. Văn bản viện dẫn: Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong công văn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

II. XÁC ĐỊNH NỘI HÀM CỦA CHỈ SỐ VÀ GỢI Ý TÌM MINH CHỨNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

(Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Gợi ý Minh chứng	Triển khai	Ghi chú
1	Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CDS) nhằm nâng cao chất lượng trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và quản trị cơ sở giáo dục mầm non (ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch hằng năm)			Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS của trường hoặc Kế hoạch nhiệm vụ năm học có nội dung ứng dụng CNTT và CDS.	- Thực hiện theo định hướng nhiệm vụ CNTT, CDS của Sở, Phòng GDĐT và điều kiện nhà trường. - Tổ chức triển khai Kế hoạch đến CBQL-GV-NV và cha mẹ trẻ dưới hình thức: thông qua hội họp/website/zalo,..	Điều kiện bắt buộc
	Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ: Nếu có, cung cấp thông tin (tên phần mềm, tự xây dựng/ mua/ thuê/ miễn phí) và có triển khai các nội dung sau:			- Tên phần mềm được trang bị: MISA, EMIS, tsdc, phần mềm dạy học (E-learning), phần mềm soạn giáo án điện tử,.. - Tên phần mềm miễn phí: csdl.moet,.. - Tên phần mềm tự xây dựng: hệ thống 02 ứng dụng OneDrive, GoogleDrive,.... -		
	- Quản lý thông tin trẻ em. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin trẻ em của ngành Giáo dục, tối đa 05 điểm; không triển khai: 0 điểm)		05 điểm	- Đường link: + https://truong.csdl.moet.gov.vn/ / + https://angiang.tsd.edu.vn/	- Có triển khai nội dung trong Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS. - Cập nhật đầy đủ thông tin theo yêu cầu.	

Stt	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Gợi ý Minh chứng	Triển khai	Ghi chú
2		60 điểm			- Báo cáo đúng thời gian quy định.	
	- Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em. <i>(Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em của ngành Giáo dục, tối đa 05 điểm; không triển khai: 0 điểm)</i>		05 điểm	- Đường link: https://truong.csdl.moet.gov.vn/	- Có triển khai nội dung trong Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS. - Cập nhật đầy đủ thông tin theo yêu cầu. - Báo cáo đúng thời gian quy định.	
	- Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. <i>(Cách đánh giá: có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của ngành Giáo dục, tối đa 05 điểm; không triển khai: 0 điểm)</i>		05 điểm	- Đường link: https://qlcbccvc.angiang.gov.vn/ https://truong.csdl.moet.gov.vn/	- Có triển khai nội dung trong Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS. - Cập nhật đúng, đủ kịp thời thông tin cá nhân của CBQL-GV-NV trên phần mềm/hệ thống theo quy định.	
	- Quản lý thông tin y tế trường học. <i>(Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin y tế trường học của ngành Giáo dục, tối đa 05 điểm; không triển khai: 0 điểm)</i>		05 điểm	Đường link hệ thống quản lý y tế học đường trên phần mềm (nếu có) hoặc tự xây dựng (https://drive.google.com/ ; https://onedrive.live.com/)	- Có triển khai nội dung trong Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS. - Cập nhật các thông tin: theo dõi tình trạng sức khỏe, lịch sử khám sức khỏe định kỳ, thông tin	

Stt	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Gợi ý Minh chứng	Triển khai	Ghi chú
					tiêm chủng và các thông báo y tế từ nhà trường.	
	- Quản lý thông tin phổ cập giáo dục. <i>(Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin phổ cập giáo dục của ngành Giáo dục, tối đa 05 điểm; không triển khai: 0 điểm)</i>		05 điểm	Đường link: https://pcgd.moet.gov.vn/	- Có triển khai trong kế hoạch PCGD-XMC của đơn vị hoặc kế hoạch ứng dụng CNTT-CDS. - Cập nhật số liệu đúng, đủ trên phần mềm/Hệ thống theo quy định.	
	- Quản lý thông tin tài sản, tài chính. <i>(Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin tài sản, tài chính, tối đa 03 điểm; không triển khai: 0 điểm)</i>		03 điểm	Phần mềm MISA https://www.misa.vn/	- Có triển khai nội dung trong Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS. - Cập nhật số liệu đúng, đủ kịp thời trên phần mềm. - Báo cáo theo quy định.	
	- Quản lý văn bản điện tử. <i>(Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu quản lý văn bản điện tử, tối đa 03 điểm; không triển khai: 0 điểm)</i>		03 điểm	- Đường link: https://angiang.vnptioffice.vn/ https://drive.google.com/ (tự xây dựng) - Địa chỉ mail của trường miền edu	- Có triển khai nội dung trong Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS. - Cập nhật, triển khai văn bản, báo cáo đúng, đủ trên Hệ thống online theo quy định.	

Stt	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Gợi ý Minh chứng	Triển khai	Ghi chú
	- Tiện ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hằng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ. (Cách đánh giá: Có triển khai, có thông báo đến cha mẹ trẻ thường xuyên và đáp ứng yêu cầu theo quy định, tối đa 07 điểm; không triển khai: 0 điểm)		07 điểm	- Đường link: + Tên phần mềm được trang bị: + Tên phần mềm miễn phí: + Tên phần mềm tự xây dựng:	- Có triển khai nội dung trong Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS. - Khai thác sử dụng phần mềm hiệu quả: tính khẩu phần ăn, thực đơn, kiểm thực 3 bước,...	
	- Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ (Cách đánh giá: Có triển khai và tần suất sử dụng (theo tuần/tháng/quý) đáp ứng yêu cầu của ngành Giáo dục, tối đa 07 điểm; không triển khai: 0 điểm)		07 điểm	- Đường link: + Tên phần mềm được trang bị: phần mềm dạy học (E-learning); phần mềm soạn giáo án điện tử + Tên phần mềm miễn phí: + Tên phần mềm tự xây dựng: - Các ứng dụng hỗ trợ: Powerpoint, AI, iSpring Suite, Violet, Canva - Kho học liệu số: đường link của nhà trường	- Có triển khai nội dung trong Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS. - Triển khai hiệu quả trong lập các loại kế hoạch giáo dục, soạn giảng ứng dụng CNTT, bài giảng điện tử.	
	- Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường. (Cách đánh giá: Có triển khai và tần suất sử dụng (theo tuần/tháng/quý) đáp ứng yêu cầu)		07 điểm	- Zalo nhóm lớp. - Fanpage hoặc website trường -.....	- Có triển khai nội dung trong Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS. - Thường xuyên đưa tin về các hoạt động nuôi	

Stt	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Gợi ý Minh chứng	Triển khai	Ghi chú
	<i>câu của ngành Giáo dục, tối đa 07 điểm; không triển khai: 0 điểm)</i>				đưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. - Cập nhật thông tin và phản hồi của cha mẹ trẻ.	
	- Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng. <i>(Cách đánh giá: Có triển khai và tần suất sử dụng (theo tuần, tháng, quý) đáp ứng yêu cầu của ngành Giáo dục, tối đa 2,5 điểm; không triển khai: 0 điểm)</i>		2,5 điểm	- Zalo nhóm lớp; - Fanpage hoặc website trường -.....	- Có triển khai nội dung trong Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS. - Thường xuyên đưa tin phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ. -Cập nhật thông tin và phản hồi của cha mẹ trẻ, cộng đồng.	
	- Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (do Bộ GDĐT quản lý). <i>(Cách đánh giá: Kết nối (API) và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục, tối đa 5,5 điểm; thiếu kết nối cho một nội dung triển khai, trừ 0,5 điểm; không có kết nối: 0 điểm)</i> API là một chương trình phần mềm giao diện giúp tương tác với các phần mềm khác giống như giao diện người dùng		5,5 điểm	- Đường link https://angiang.tsd.edu.vn/	- Có triển khai nội dung trong Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS. - Cập nhật đầy đủ, thường xuyên (theo CSDL ngành).	
	- Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ			Quyết định ban hành quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	Có triển khai Quyết định Quy chế bằng văn bản điện tử.	

Stt	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Gợi ý Minh chứng	Triển khai	Ghi chú
3	Triển khai dịch vụ trực tuyến:					
	- Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng yêu cầu của của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, tối đa 4 điểm; không triển khai: 0 điểm)	12 điểm	04 điểm	- Đường link: https://angiang.tsd.edu.vn/	- Có triển khai nội dung trong Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS. - Cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin cá nhân trẻ.	
	- Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục qua ứng dụng web/thiết bị thông minh/ mạng xã hội/ OTT (over the top) gồm tối thiểu các chức năng: thông tin thông báo, điểm danh, xin nghỉ học, phản hồi, đánh giá. (Cách đánh giá: Có triển khai đầy đủ tối thiểu các chức năng trên, tối đa 04 điểm; không triển khai: 0 điểm)		04 điểm	- Đường link, tài khoản Website trường. - Zalo nhóm/lớp.	- Có triển khai nội dung trong Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS. - Thực hiện tương tác thường xuyên đảm bảo thông tin kịp thời với cha mẹ trẻ.	
	- Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, tối đa 04 điểm; không triển khai: 0 điểm)		04 điểm	- Tài khoản của trường đăng ký thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt. - Biên lai điện tử.	- Có triển khai nội dung trong Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS. - Danh sách thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt trích xuất từ ứng dụng.	
4	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số:					

Stt	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Gợi ý Minh chứng	Triển khai	Ghi chú
	- Tỷ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. (Cách đánh giá: Tỷ lệ >80%: 10 điểm; tỷ lệ từ trên 60%-80%: 7,5 điểm; tỷ lệ từ trên 40%-60%: 05 điểm; tỷ lệ từ trên 10%-40%: 2,5 điểm; tỷ lệ dưới 10%: 0 điểm)	20 điểm	10 điểm	- Báo cáo sơ kết hoặc báo cáo tổng kết của trường có nội dung liên quan ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. - Kho học liệu số của nhà trường: đường link.	- Có triển khai nội dung trong Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS. - Thực trạng tỷ lệ giáo viên ứng dụng khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động .	
	- Tỷ lệ giáo viên hằng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số. (Cách đánh giá: Tỷ lệ >80%: 10 điểm; tỷ lệ từ trên 60%-80%: 7,5 điểm; tỷ lệ từ trên 40%-60%: 05 điểm; tỷ lệ từ trên 10%-40%: 2,5 điểm; tỷ lệ dưới 10%: 0 điểm)		10 điểm	- Các chứng chỉ, chứng nhận về ứng dụng công nghệ thông tin. - Danh sách giáo viên tham gia tập huấn về CNTT và CDS.	- Có triển khai nội dung trong Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS. - Thực trạng tỷ lệ giáo viên bồi dưỡng cấp giấy chứng chỉ, chứng nhận .	
5	Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:					
	- Tỷ lệ phòng học có thiết bị (như: thiết bị trình chiếu, tivi, máy tính, thiết bị nghe, nhìn, thiết bị phụ trợ khác) hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet (trong trường hợp thiết bị có cổng kết nối Internet) (Cách đánh giá: Tỷ lệ >50%: 04 điểm; tỷ lệ từ trên 30%-50%: 03 điểm; tỷ lệ từ trên 10%-30%: 02 điểm; tỷ lệ từ trên 05% - 10%: 01 điểm; tỷ lệ <05%: 0 điểm)	08 điểm	04 điểm	- Sổ S26 (Sổ theo dõi công cụ, dụng cụ tại nơi sử dụng). - Hợp đồng kết nối Internet.	- Có triển khai nội dung trong Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS. - Tỷ lệ % được tính theo thực trạng hiện có của nhà trường	

Stt	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Gợi ý Minh chứng	Triển khai	Ghi chú
	- Máy tính kết nối Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non <i>(Cách đánh giá: Có máy tính phục vụ công tác văn phòng và các tổ chuyên môn: tối đa 04 điểm; có máy tính phục vụ công tác văn phòng: 02 điểm; không có máy: 0 điểm)</i>		04 điểm	- Sổ S26 từng phòng, - Hợp đồng kết nối Internet.	- Có triển khai nội dung trong Kế hoạch ứng dụng CNTT và CDS. - Tính theo thực trạng hiện có của nhà trường.	

III. XÁC ĐỊNH NỘI HÀM CỦA CHỈ SỐ VÀ GỢI Ý TÌM MINH CHỨNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Gợi ý minh chứng	Chi tiết yêu cầu trong hoạt động	Ghi chú, minh chứng
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học	100				
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)			- Có văn bản Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến; <i>hoặc</i> - Kế hoạch giáo dục của nhà trường có nội dung tổ chức dạy học trực tuyến hoặc dạy học trực tiếp kết hợp dạy học trực tuyến; <i>hoặc</i> - Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, thông kê giáo dục có nội dung tổ chức dạy học trực tuyến;	Nội dung kế hoạch dạy học trực tuyến đảm các nội dung của Điều 15, Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT	Điều kiện bắt buộc
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến			Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến ¹		Điều kiện bắt buộc
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên)	30	Tối đa 6 điểm	- Ghi tên phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp, ví dụ: Meeting Zoom, Google Meet, Microsoft Teams, ...	- Phần mềm tổ chức dạy học trực tuyến trực tiếp có chức năng tối thiểu sau đây: + Giúp giáo viên tổ chức triển khai dạy học trực tuyến trực tiếp để giảng bài và hướng dẫn, giao nhiệm vụ học tập đồng thời cho tất cả học sinh tham dự trong cùng một không gian học tập thông qua kênh hình, kênh tiếng, kênh	- Mức độ 1: dưới 10 điểm - Mức độ 2: từ 10 - 20 điểm - Mức độ 3: trên 20 điểm

¹ Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến cần quy định cụ thể các nội dung sau:

- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.
- Nguyên tắc tổ chức dạy học trực tuyến.
- Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến (trực tuyến/ trực tuyến kết hợp trực tiếp).
- Yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị đối với dạy học trực tuyến.
- Nhiệm vụ và quyền của nhà trường, giáo viên, học sinh trong dạy học trực tuyến.
- Hình thức tổ chức lớp học trực tuyến.
- Chế độ làm việc đối với giáo viên dạy học trực tuyến.
- Cách thức đánh giá kết quả học tập của học sinh.
- Quy định về quản lý, lưu trữ dữ liệu trong dạy học trực tuyến.

					chữ (chia sẻ màn hình máy tính), chuyển tải học liệu dạy học trực tuyến đến học sinh; + Giúp học sinh tương tác, trao đổi thông tin theo thời gian thực với giáo viên và những học sinh khác trong cùng một không gian học tập.	
	- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.		<i>Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tối đa 6 điểm.</i>	- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/ hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS). Hệ thống LMS/ LCMS có triển khai các chức năng: Tối đa 24 điểm; mỗi chức năng không quá 6 điểm.	+ Giúp giáo viên tổ chức lưu trữ, chuyển tải học liệu dạy học trực tuyến tới học sinh; giao nhiệm vụ học tập và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh; theo dõi và hỗ trợ học sinh khai thác nội dung học tập từ học liệu dạy học trực tuyến; tư vấn, hỗ trợ, trả lời câu hỏi và giải đáp thắc mắc của học sinh; + Cho phép học sinh truy cập, khai thác nội dung học tập từ học liệu dạy học trực tuyến; thực hiện các hoạt động học tập và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của giáo viên; đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi đối với giáo viên và các học sinh khác trong cùng không gian học tập; + Cho phép cơ sở giáo dục phổ thông quản lý hồ sơ, tiến trình học tập, kết quả học tập của học sinh và các hoạt động dạy của giáo viên; hỗ trợ quản lý các thông tin khác theo yêu cầu cơ sở giáo dục phổ thông và cơ quan quản lý giáo dục ở địa phương; - Đường link địa chỉ LMS/ LCMS của trường hoặc của từng lớp học, có thể thao tác truy xuất được các dữ liệu đã sử dụng thể hiện các chức năng (1), (2), (3), (4) của LMS/ LCMS.	
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	<i>- Ít hơn 20 học liệu; tối đa 3 điểm.</i>	Đường link và số lượng học liệu. Học liệu được số hóa đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt theo quy định tại Điều 7, Thông tư 09.	- Học liệu dạy học trực tuyến được xây dựng theo chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm: bài giảng đa phương tiện; hướng dẫn thí nghiệm, thực hành; phần mềm mô phỏng; hệ thống câu hỏi, bài	Mức độ 1: dưới 4 điểm Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm

			- Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm. - Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm		tập luyện tập và kiểm tra, đánh giá; tài liệu tham khảo, hỗ trợ theo quy định của Bộ GDĐT. - Học liệu dạy học trực tuyến phải phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc. - Học liệu dạy học trực tuyến sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông phải được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông phê duyệt. - Minh chứng là đường link của học liệu được sử dụng trong dạy học hoặc học liệu được xây dựng trên hệ thống LMS/ LCMS. Văn bản phê duyệt học liệu trực tuyến của người đứng đầu cơ sở giáo dục.	Mức độ 3: trên 7 điểm
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm) Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường	20	Tối đa 15 điểm Tối đa 5 điểm	Quy chế /Kế hoạch /văn bản triển khai	- Hồ sơ dữ liệu thực tế trên hệ thống phần mềm khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính. - Dữ liệu trên hệ thống thi trực tuyến được đánh giá cao hơn. - Khi thực hiện khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính cần lưu ý phương án đảm bảo an toàn, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu; khuyến khích sử dụng hình thức thi tích hợp CCCD điện tử.	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	20	< 30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; > 60%: tối đa 7 điểm	- Giáo viên có tài khoản trực tuyến trên hệ thống bồi dưỡng: Chương trình giáo dục phổ thông 2018, chương trình bồi dưỡng thường xuyên và các nội dung bồi dưỡng khác của Sở, Phòng GDĐT và cơ sở giáo dục tổ chức.		Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm

	- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		< 30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; > 60%: tối đa 7 điểm	- Giáo viên khai thác các phần mềm, công cụ, đồ dùng dạy học nhằm đổi mới phương pháp dạy học theo các văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý, các khóa tập huấn hàng năm của cơ quan quản lý, hoặc của cơ sở giáo dục. Minh chứng là văn bản công nhận của thủ trưởng đơn vị về mức độ áp dụng được các phần mềm, công cụ, đồ dùng dạy học nhằm đổi mới phương pháp dạy học.		
	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		< 30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; > 60%: tối đa 6 điểm	- Giáo viên xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử theo quy định tại Điều 7, Thông tư 09. Minh chứng là danh sách các học liệu số, bài giảng điện tử được xây dựng của giáo viên (kèm theo tên) được sử dụng phục vụ hoạt động dạy và học, được sử dụng trên hệ thống LMS/LCMS.		
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phục trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	< 20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; > 60%: tối đa 8 điểm	- Hình ảnh trực quan của phòng học, hạ tầng đáp ứng chuyển đổi số (hoặc hình ảnh, video), kế hoạch của đơn vị thể hiện việc khai thác, sử dụng cho các hoạt động giáo dục của nhà trường. Sổ theo dõi, mượn trả của giáo viên, tổ chuyên môn.		Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học[1]		Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm	- Hồ sơ quản lý, sử dụng: Sổ theo dõi thiết bị, đồ dùng dạy học có các thiết bị theo yêu cầu. - Hóa đơn thanh toán tiền Internet, sơ đồ mạng LAN, mạng Internet, thiết bị kết nối không dây, ... Sơ đồ mạng Internet của đơn vị, hình thức triển khai hạ tầng mạng, các thông số mạng (download, upload), ...		
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		Tối đa 5 điểm	- Có phòng Studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử). Minh chứng thể hiện được việc sử dụng các thiết bị đáp ứng quy trình sản xuất, xây dựng được học liệu giảng dạy, học liệu số và các		

				file đa phương tiện phục vụ hoạt động giảng dạy của nhà trường. - Hồ sơ cấp độ an toàn thông tin mạng.		
2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100				
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)			- Quyết định thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai. Danh sách gồm thông tin: Họ tên, chức vụ, e-mail, điện thoại và phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng. - Phân công lãnh đạo phụ trách, rõ nội dung của cán bộ quản lý.		Điều kiện bắt buộc
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số			- Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của giai đoạn và từng năm học. ²		Điều kiện bắt buộc
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	70	Tối đa 6 điểm	- Đường link/ Quy chế/ văn bản hướng dẫn - Văn bản ban hành quy chế sử dụng hệ thống và quản trị nhà trường; - Văn bản triển khai hướng dẫn sử dụng hệ thống phần mềm quản trị nhà trường, có các phân hệ chức năng quản trị. - Đường link truy cập phần mềm quản lý, hình ảnh chụp màn hình phần mềm quản trị nhà trường.		Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20-50 điểm Mức độ 3 : trên 50 điểm
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		Tối đa 6 điểm			
	- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử		File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm			
	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV		Tối đa 6 điểm			
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất		Tối đa 10 điểm			
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh		Tối đa 10 điểm			
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		Tối đa 6 điểm			
	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)		Tối đa 6 điểm			

² Nội dung kế hoạch có thể gồm: Thực trạng ứng dụng CNTT, chuyển đổi số; Tổ chức triển khai có hiệu quả các nội dung theo kế hoạch; Hướng dẫn, tập huấn cho giáo viên về kỹ năng ứng dụng CNTT trong dạy học và quản lý; Xây dựng hệ thống thiết bị, cơ sở dữ liệu dùng chung của nhà trường; Quản lý, vận hành các hệ thống, phần mềm dùng chung của nhà trường; Hỗ trợ kỹ thuật về CNTT cho viên chức quản lý, giáo viên nhà trường; Tổng hợp, báo cáo tiến độ triển khai các nhiệm vụ về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)	30	Tối đa 8 điểm	- Văn bản ban hành quy chế, hướng dẫn sử dụng hệ thống quản trị nhà trường triển khai: Ứng dụng kết nối gia đình và nhà trường, dịch vụ tuyển sinh trực tuyến, dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt. - Các ứng dụng OTT thông thường có lượng người dùng đông đảo: Zalo, Messenger, Viber, Whatsapp, Telegram, ... - Văn bản triển khai hướng dẫn sử dụng hệ thống phần mềm, ứng dụng, ... - Đường link truy cập phần mềm, ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường quản lý, hình ảnh chụp màn hình phần mềm quản trị nhà trường. - Thông tin được lưu trữ trên hệ thống phần mềm của cơ sở giáo dục.		Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10-18 điểm Mức độ 3: trên 18 điểm
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:		Tối đa 12 điểm			
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		Tối đa 10 điểm			

*** Lưu ý:**

1. Cơ sở giáo dục báo cáo kết quả tự đánh giá và cung cấp thông tin, hồ sơ, minh chứng phục vụ việc đánh giá mức độ chuyển đổi số về cơ quan quản lý trực tiếp (UBND các xã, phường, đặc khu hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo). Khuyến khích gửi hồ sơ, minh chứng phục vụ việc đánh giá mức độ chuyển đổi số trên môi trường mạng (hồ sơ điện tử, hồ sơ lưu trữ trên nền tảng lưu trữ trực tuyến/phần mềm).

2. Lưu giữ hồ sơ

- Hồ sơ lưu trữ bao gồm: Các Quyết định thành lập đoàn Hội đồng tự đánh giá, thành lập đoàn đánh giá ngoài (ĐGN), Quyết định phê duyệt kết quả tự đánh giá/ ĐGN; Các kế hoạch; Các báo cáo; Các phiếu đánh giá tiêu chí; Báo cáo tự đánh giá, Báo cáo ĐGN; Công văn của cơ sở giáo dục về việc tiếp thu hoặc bảo lưu ý kiến của dự thảo báo cáo ĐGN (nếu có).

- Thời hạn bảo quản, lưu trữ và sử dụng hồ sơ theo quy định của Luật Lưu trữ và theo Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục; Thông tư số 10/2022/TT- BNV ngày 19/12/2022 của Bộ Nội vụ về việc Quy định thời hạn bảo vệ tài liệu.